TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ** **TỈNH PHÚ THỌ** ---------- Số: 133/2018/QĐST - HNGĐ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ---------- *Việt Trì,* ngày 07 tháng 5 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC Đ□ƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 167/2018/TLST - HNGĐ ngày 11/4/2018, giữa:

Nguyên đơn**:** Chị **Nguyễn Bạch V -** Sinh năm 1992

Địa chỉ: Tổ X, khu Y, phường N, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn**:** Anh **Nguyễn Trọng S -** Sinh năm 1983

Địa chỉ: Tổ X, khu Y, phường N, TP. Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 4 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đ- ơng sự đ- ợc ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 4 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Bạch V và anh Nguyễn Trọng S.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đ- ơng sự cụ thể nh- sau:

*Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Lan A, sinh ngày 12/12/2016 cho chị Nguyễn Bạch V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. anh Nguyễn Trọng S không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị V vì chị V không yêu cầu.

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và thăm nom con chung.

*Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp: Hai bên đều xác định không có gì nên không đề nghị tòa án giải quyết.

*Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Bạch V xin chịu cả 150.000đ. Hoàn trả lại cho chị V 150.000đ. (Xác nhận chị V đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004925 ngày 11/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Việt Trì).

Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- VKSND Tp, tỉnh;
- UBND phường N.
- Thi hành án;
- Các đương sự;
- Lưu HS - VP.

THẨM PHÁN

Trần Thị Kim Liên